

Số: /GPMT-BQL Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 01/CVMT-ĐNVN ngày 20/4/2024 của Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 02/CVMT-ĐNVN ngày 11/7/2024 của Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà xưởng sản xuất các linh kiện, thiết bị điện, điện tử” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Đạt RW tại lô CN8.2, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được

thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng sản xuất các linh kiện, thiết bị điện, điện tử” tại Nhà xưởng thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Đạt RW tại lô CN8.2, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà xưởng sản xuất các linh kiện, thiết bị điện, điện tử”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Đạt RW tại lô CN8.2, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0202234201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 12/3/2024.

1.4. Mã số thuế: 0202234201

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các linh kiện, thiết bị điện, điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 2.977,2 m<sup>2</sup>

- Quy mô, công suất:

+ Cuộn cảm và linh kiện của cuộn cảm: 70.000 sản phẩm/năm ~ 1 tấn/năm.

+ Bộ lọc điện tử, thiết bị lọc sóng mạng và linh kiện của bộ lọc điện tử, thiết bị lọc sóng mạng: 180.000 sản phẩm/năm ~ 1,8 tấn/năm.

+ Biến áp nguồn, bộ chuyển đổi nguồn điện và linh kiện của biến áp nguồn, bộ chuyển đổi nguồn điện: 150.000 sản phẩm/năm ~ 2,18 tấn/năm.

+ Biến áp mạng các loại và linh kiện của máy biến áp các loại: 550.000 sản phẩm/năm ~ 8,4 tấn/năm.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày.....tháng.....năm 2024 đến hết ngày 31/3/2029 (theo đề nghị của chủ dự án và thời hạn hết hạn hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Đạt RW).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên;
- Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Shinec;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Đạt RW;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để công khai);
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Bùi Ngọc Hải**

### **Phụ lục 1**

## **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BQL ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê nhà xưởng và văn phòng số 03-2024/HĐTX/HDRW-ĐN ngày 22/3/2024 với Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW (Toàn bộ nước thải từ Công ty TNHH Điện tử Đông Nguyên Việt Nam được thu gom về hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW, sau đó, thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền do Công ty Cổ phần Shinec làm chủ đầu tư).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý tại 02 bể tự hoại composite (mỗi bể có dung tích 10m<sup>3</sup>), sau đó cùng nước rửa tay chân và nước thay thế từ máy rửa làm sạch bằng sóng siêu âm theo đường ống dẫn vào hố ga thu gom trước khi vào hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại) + (nước rửa tay chân + nước rửa thay thế từ máy rửa làm sạch bằng sóng siêu âm → hố ga thu gom → hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW → hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền.

- Công suất thiết kế: 02 bể tự hoại composite, tổng dung tích 20m<sup>3</sup> (dung tích 10m<sup>3</sup>/bể).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom và thoát nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải tại hồ ga thu gom trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW. Tọa độ: X(m)= 2312089; Y(m) = 592081 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

<b>Vị trí</b>	<b>Thông số giám sát</b>	<b>Tiêu chuẩn so sánh</b>
Mẫu nước thải tại hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần đầu tư Hưng Đạt RW	pH, BOD <sub>5</sub> , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.	Tiêu chuẩn của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2 Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMТ-BQL ngày ..... tháng ..... năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ vực nhúng thiếc.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực máy sấy.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực lò sấy.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực máy bóc tách.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ khu vực máy kiểm tra IR.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải ứng với ống thoát khí chung của hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại khu vực máy nhúng thiếc, máy sấy, lò sấy, máy bóc tách và máy kiểm tra IR. Toạ độ: X(m)= 2312043; Y(m) = 592119 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 32.000 m<sup>3</sup>/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả gián đoạn theo ca làm việc bằng quạt hút.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	06 tháng/lần (theo đề xuất của chủ dự án)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.
2	1,3 – Butadien	mg/Nm <sup>3</sup>	2.200		
3	Etylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	20		
4	Metylacetat	mg/Nm <sup>3</sup>	610		
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
6	Hơi thiếc*	mg/Nm <sup>3</sup>	-		

*Ghi chú:*

(\*): Đối với các thông số chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh theo pháp luật hiện hành và chưa có đơn vị quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Vimcerts thì tạm thời Công ty chưa thực hiện. Sau khi các đơn vị có năng lực quan trắc và có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh thì Công ty sẽ thực hiện quan trắc theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ khu vực máy nhúng thiếc, máy sấy, lò sấy, máy bóc tách và máy kiểm tra IR được thu gom bằng các họng hút, sau đó theo đường ống dẫn vào hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ khu vực máy nhúng thiếc + máy sấy + lò sấy + máy bóc tách + máy kiểm tra IR → họng hút → đường ống nhánh → đường ống dẫn tổng → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 32.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, kịp thời thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí chung của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực máy nhúng thiếc, máy sấy, lò sấy, máy bóc tách và máy kiểm tra IR. Toạ độ: X(m)= 2312043; Y(m) = 592119 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	1,3 - Butadien	mg/Nm <sup>3</sup>	2.200
3	Etylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	20
4	Metylacetat	mg/Nm <sup>3</sup>	610
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870
6	Hơi thiếc	mg/Nm <sup>3</sup>	-

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BQL ngày ..... tháng ..... năm*  
*2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 02: Khu vực máy sấy.
- Nguồn số 03: Khu vực lò sấy.
- Nguồn số 04: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m)= 2310356 Y(m)= 592117.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m)= 2312033, Y(m)= 592082.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m)= 2312035, Y(m)= 592082.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m)= 2312043, Y(m)= 592119.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.
- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BQL ngày ..... tháng ..... năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị (kg/năm)	Mã CTNH
1	Xi hàn kim loại thải	Rắn	50	07 04 02
2	Chất kết dính và chất bịt kín thải có chứa thành phần nguy hại (keo thải)	Lỏng	35	08 03 01
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	152	12 01 04
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	4	16 01 06
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	16 01 12
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30	17 02 03
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	30	18 01 02
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	30	18 01 03
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	15	18 02 01
<b>Tổng</b>			<b>366</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: sản phẩm lỗi; dây đồng thừa; bavias thừa (từ quá trình cắt chân kim loại); bao bì carton, túi nilon thải;... khoảng 0,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 1.118 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 15m<sup>2</sup>

+ Thiết kế cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH khép kín, mặt sàn bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 15m<sup>2</sup>

- Thiết kế cấu tạo: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường khép kín, có mái che, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và đáp ứng các quy định khác quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (dung tích 50 lít - 100 lít/thùng) được bố trí tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên xung quanh nhà máy.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BQL ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.
  2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
  3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
  4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
-